

# TĂNG TRƯỞNG XANH - QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG BỐI CẢNH VIỆT NAM HỘI NHẬP QUỐC TẾ

✍ TS. PHÙNG THẾ HÙNG\*

## 1. Đặt vấn đề

Mô hình kinh tế nâu<sup>1</sup> (Brown Economy) trong thời gian qua đã đem lại cho thế giới những thành tựu phát triển vượt bậc về kinh tế, về công nghệ... Tuy nhiên, nó cũng đem lại rất nhiều những tác động tiêu cực cho con người, cho môi trường... Đó là các vấn đề về biến đổi khí hậu, khủng hoảng kinh tế - xã hội diễn ra liên tiếp tại nhiều quốc gia, tình trạng dân số tăng nhanh, tỷ lệ hộ nghèo còn cao; các dịch vụ cơ bản về giáo dục và y tế hiện còn bất cập, các loại tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn triệt để, nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên bị khai thác cạn kiệt, sử dụng lãng phí và kém hiệu quả dẫn đến thiên tai và lũ lụt. Theo thống kê năm 2010, thiệt hại do thiên tai gây ra làm gần 297.000 người chết, thiệt hại về kinh tế tới 109 tỷ USD cho toàn cầu. Năm 2011, tổn thất do các thảm họa thiên tai lên tới 380 tỷ USD. Đây cũng là năm mà thiệt hại kinh tế do thiên tai gây ra lớn nhất trong lịch sử, cao hơn khoảng 70% so với thiệt hại năm 2005; môi trường thiên nhiên ở nhiều nơi bị phá hoại nghiêm trọng, ô nhiễm và suy thoái đến mức báo động, theo thống kê mỗi ngày ô nhiễm môi trường gây cho xấp xỉ 14.000 người chết trên toàn thế giới, chủ yếu là ăn uống nước bẩn chưa qua xử lý; mỗi năm có khoảng 3,5 triệu người chết do ô nhiễm không khí... đang là những vấn đề bức xúc và thách thức lớn đối với các quốc gia. Trước những vấn đề đó, thế giới đã chuyển mô hình tăng trưởng từ tăng trưởng nâu sang mô hình tăng trưởng xanh<sup>2</sup>. Hiện nay có rất nhiều khái niệm khác nhau về tăng trưởng xanh như quan điểm của Hàn Quốc, của Liên Hợp Quốc, của OECD<sup>3</sup>... nhưng nhìn chung có thể hiểu về tăng trưởng xanh như sau: *Tăng trưởng xanh là quá trình tái cơ cấu lại hoạt động kinh tế và cơ sở hạ tầng, tạo ra hướng tiếp cận mới trong tăng trưởng kinh tế, hướng tới phục hồi và bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, nuôi dưỡng cuộc sống của con người và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, đạt sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.* Chính vì những hiệu quả mà tăng trưởng xanh mang

lại nên nhiều quốc gia trên giới đang tiếp cận theo xu hướng này nhằm hướng tới phát triển bền vững như Hàn Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Thụy Điển...

Tại Hội nghị thượng đỉnh thế giới năm 1992 ở Rio de Janeiro<sup>4</sup>, các nhà hoạt động về kinh tế, xã hội, môi trường cùng với các nhà chính trị đã thống nhất về quan điểm phát triển bền vững (tức là phải xây dựng được một nền kinh tế xanh), coi đó là trách nhiệm chung của các quốc gia, của toàn nhân loại và đồng thuận thông qua tuyên bố Rio gồm 27 nguyên tắc cơ bản về Phát triển bền vững và Chương trình Nghị sự 21<sup>5</sup>, xác định các hành động cho sự "phát triển bền vững"<sup>6</sup> của toàn thế giới trong thế kỷ thứ 21.

## 2. Thực trạng tăng trưởng xanh - phát triển bền vững tại Việt Nam

Phát triển kinh tế ở Việt Nam thời gian qua dựa nhiều vào khai thác tài nguyên, xuất khẩu nguyên liệu thô và sơ chế. Phát triển bền vững là chủ trương lớn nhưng chưa được thực hiện triệt để. Mặc dù, Việt Nam có chủ trương hướng tới một nền công nghiệp xanh, ít tiêu hao năng lượng, hạn chế thấp nhất sản xuất gây ô nhiễm môi trường, nhưng việc thực hiện còn mang tính lẻ tẻ, chưa đồng bộ do khu vực này chưa có chiến lược và quy hoạch phát triển rõ ràng theo hướng xanh. Đây cũng là tình hình chung đối với các khu vực khác của nền kinh tế. Nông nghiệp là một trong những ngành kinh tế chủ chốt trong phát triển xanh, đồng thời cũng là lợi thế lâu dài của Việt Nam, những vẫn ở trình độ kém phát triển và có nguy cơ ngày càng tụt hậu xa hơn các ngành kinh tế khác.

Từ thực tế đó, trong Chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2011- 2020, đã đưa ra các chỉ tiêu giám sát và đánh giá phát triển bền vững bao gồm: (i) Chỉ số phát triển con người (HDI), (ii) chỉ số bền vững môi trường (ESI), (iii) hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR), (iv) tỷ lệ nghèo, tỷ lệ lao động đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo, (v) số

\* Trường Đại học Công đoàn

người chết do tai nạn giao thông trên 100.000 dân, (vi) tỷ lệ số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới, (vii) tỷ lệ che phủ rừng,... Đồng thời, Chiến lược cũng đề ra ba nhiệm vụ trọng tâm là: (i): Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo với chỉ số cụ thể là: Giảm lượng phát thải khí nhà kính trong các hoạt động năng lượng từ 10% - 20% cho giai đoạn 2011-2020 và từ 35% - 45% cho giai đoạn 2020 - 2030 . (ii) Xanh hóa sản xuất với mục tiêu tiếp cận đến các chỉ số: Giá trị sản phẩm các ngành công nghệ cao trong GDP đạt khoảng 42%-45% (2010-2020) và 80% (2020-2030); 100% các cơ sở sản xuất kinh doanh mới thành lập phải áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải; (iii) Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững với mục tiêu hướng đến phát triển đô thị bền vững (gồm quy hoạch đô thị, hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường, xây dựng đô thị sinh thái). Đặc biệt là phải xây dựng nông thôn mới trên cơ sở quy hoạch lại cho nông thôn thân thiện với môi trường, cung cấp nước sạch, sử dụng năng lượng tái tạo trong sinh hoạt, xử lý 100% rác thải sinh hoạt. Đồng thời, phải thúc đẩy tiêu dùng bền vững và xây dựng lối sống xanh thông qua thay đổi hành vi tiêu dùng của cả ba khu vực tiêu dùng trong xã hội: Khu vực nhà nước, khu vực doanh nghiệp và khu vực dân cư.

Tháng 9/2012, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh giai đoạn 2011- 2030 và tầm nhìn 2050. Chiến lược này là quá trình tái cơ cấu nền kinh tế để tiến tới việc sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải khí nhà kính thông qua nghiên cứu và áp dụng công nghệ hiện đại; phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng để nâng cao hiệu quả nền kinh tế, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần xóa đói giảm nghèo, và tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế một cách bền vững.

Tuy nhiên, thực tế của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Việt Nam đã và đang gặp phải những thách thức to lớn biểu hiện sự phát triển thiếu bền vững của nền kinh tế, cụ thể như:

#### **Chất lượng tăng trưởng kinh tế nhanh nhưng chưa bền vững**

Có thể thấy rằng, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2014 ước tính tăng 5,98% so với năm 2013, trong đó quý I tăng 5,06%; quý II tăng 5,34%; quý III tăng 6,07%; quý IV tăng 6,96%. Mức tăng trưởng năm 2014 cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và mức tăng 5,42% của năm 2013 cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế. Trong mức tăng

5,98% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,49%, cao hơn mức 2,64% của năm 2013, đóng góp 0,61 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,14%, cao hơn nhiều mức tăng 5,43% của năm trước, đóng góp 2,75 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 5,96%, đóng góp 2,62 điểm phần trăm<sup>7</sup>. Mặc dù đã đạt được một số thành tích đáng khích lệ, nhưng do nền kinh tế thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu dẫn đến sản xuất kinh doanh chịu áp lực từ những bất ổn về kinh tế và chính trị của thị trường thế giới, cùng với những khó khăn từ những năm trước chưa được giải quyết triệt để như áp lực về khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm; năng lực quản lý và cạnh tranh của doanh nghiệp thấp.

#### **Chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế diễn ra còn chậm**

So với yêu cầu đặt ra, tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chậm và chất lượng chưa cao. Ngành công nghiệp tuy có tốc độ tăng trưởng cao, nhưng yếu tố hiện đại trong toàn ngành chưa được quan tâm đúng mức, trình độ kỹ thuật công nghệ nhìn chung, vẫn ở mức trung bình. Công nghiệp chế biến, đặc biệt là những ngành công nghệ cao chưa phát triển. Tỷ trọng dịch vụ trong GDP giảm liên tục trong những năm gần đây. Những ngành dịch vụ có hàm lượng chất xám và giá trị gia tăng cao như dịch vụ tài chính - tín dụng, dịch vụ tư vấn chậm phát triển. Tình trạng độc quyền, dẫn tới giá cả dịch vụ cao, chất lượng dịch vụ thấp còn tồn tại ở nhiều ngành như điện lực, viễn thông, đường sắt. Một số ngành có tính chất động lực như giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, tính chất xã hội hoá còn thấp, chủ yếu dựa vào nguồn vốn của Nhà nước

#### **Vấn đề đói nghèo và bất bình đẳng xã hội chưa có dấu hiệu giảm.**

Sau hơn 20 mười năm đổi mới và mở cửa nền kinh tế, Việt Nam đã đạt được những thành tựu ấn tượng trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo với tỷ lệ nghèo đói giảm từ 60% xuống 20,7%<sup>8</sup>. Tuy nhiên, chúng ta đang đối mặt với những thách thức mới về bất công bằng xã hội, phân hóa giàu nghèo. Theo nghiên cứu của Viện Xã hội học tiến hành, nông dân Việt Nam xếp dưới cùng trong 9 tầng lớp xã hội. Đến cuối 2012, theo Bộ LĐTBXH, tỷ lệ nghèo giảm đáng kể, còn 9,64%. Theo đánh giá của các tổ chức quốc tế và các chuyên gia, chuẩn nghèo của Việt Nam hiện nay (400.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn, và 500.000 đồng/người/tháng

ở khu vực thành thị) là thấp hơn so với chuẩn nghèo do Ngân hàng Thế giới ấn định (60USD/người mỗi tháng, tương đương 1.200.000 đồng/người/tháng). Với chuẩn nghèo quá thấp như vậy, cùng với tình trạng lạm phát, biến động giá lương thực có ảnh hưởng trực tiếp và tức thì lên cuộc sống người nghèo, những người vốn dành một tỷ lệ lớn thu nhập của mình cho nhu cầu lương thực. Với 12% dân số cả nước và hơn 50% dân số các vùng ven biển là đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ tác động của biến đổi khí hậu, với tổn thất ước chừng 10% GDP, thực tế là những nỗ lực giảm bất công bằng thông qua tăng khả năng chống chịu và phục hồi cho người dân vẫn tồn tại như một thách thức lớn cho toàn xã hội.

### **Vấn đề giải quyết việc làm và chất lượng nguồn lao động còn ở mức thấp**

Tới thời điểm 6/2013, trong bối cảnh nền kinh tế và doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động ở Việt Nam ở mức rất thấp, chỉ khoảng 2,28%.

Tuy nhiên, lao động, việc làm của Việt Nam còn nhiều vấn đề cần giải quyết, đặc biệt là vấn đề chất lượng việc làm. Có một số lượng lớn lao động chưa có “việc làm xứng đáng” cho dù họ không thất nghiệp. Theo điều tra toàn quốc của Tổng cục Thống kê, chất lượng việc làm cho thanh niên tuổi từ 15 đến 29 đang giống lên hồi chuông báo động. Trên một nửa lao động thanh niên phải làm những công việc năng suất thấp. Cứ 10 người, có 8 người làm những công việc không chính thức và một nửa trong số họ có việc làm không thường xuyên (việc tự làm hoặc hợp đồng tạm thời).

Tới thời điểm cuối năm 2012, chỉ có chưa đến 10% lực lượng lao động có được những công việc tốt, với tư cách là nhà quản lý, hoặc người lao động có chuyên môn kỹ thuật. Đa đa số người lao động đang làm những công việc giản đơn (40,44%) hoặc dịch vụ cá nhân hoặc bảo vệ bán hàng (16,07%). Có một sự lãng phí lớn trong sử dụng lao động ở Việt Nam. Cứ 10 thanh niên 15-29 tuổi lại có 3 người có trình độ cao hơn yêu cầu của công việc, khiến thu nhập của họ thấp hơn mức đáng lẽ họ có thể được hưởng và họ không thể tận dụng toàn bộ tiềm năng năng suất lao động của mình.

### **Vấn nạn ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng.**

Ô nhiễm môi trường ở nước ta đã trở thành vấn nạn trầm trọng, đe dọa trực tiếp đến sự tồn tại, phát triển của các thể hệ hiện tại và tương lai.

Tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái do các hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người gây

ra. Vấn đề này ngày càng trầm trọng, đe dọa trực tiếp sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững, sự tồn tại, phát triển của các thể hệ hiện tại và tương lai. Giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH hiện nay không chỉ là đòi hỏi cấp thiết đối với các cấp quản lý, các doanh nghiệp mà đó còn là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội.

### **3. Một số giải pháp để phát triển bền vững**

Để đạt được mục tiêu Tăng trưởng xanh giai đoạn 2011- 2030 và tầm nhìn 2050 của Chính phủ cần phải thực hiện được một số nhóm giải pháp sau đây:

(i) **Đổi mới kinh tế, duy trì khả năng phát triển nhanh và bền vững.**

Để thực hiện được giải pháp đổi mới kinh tế và hướng tới phát triển nhanh và bền vững thể hiện ở một số khía cạnh sau đây:

- Chính phủ cần phải rà soát, điều chỉnh các cơ chế chính sách phù hợp với định hướng thị trường nhằm phát kinh tế đa sở hữu và kinh tế tri thức. Khuyến khích tất cả các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo hướng bền vững. Phát triển nhanh đồng bộ hệ thống thị trường trên cơ sở tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh cho mọi doanh nghiệp, nhà đầu tư. Tăng cường hiệu lực của các công cụ chính sách kinh tế vĩ mô, nhằm huy động tốt các nguồn lực phát triển trong nền kinh tế. Xây dựng các cơ chế chính sách thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy hiệu quả trong từng ngành, lĩnh vực và trong toàn bộ nền kinh tế.

- Xây dựng chương trình phát triển công nghiệp và thương mại theo hướng bền vững bằng cách triển khai thực hiện đề án đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp, công nghiệp khai thác, phát triển hệ thống năng lượng, phát triển công nghiệp chế biến, phát triển hệ thống giao thông, phát triển hệ thống dịch vụ và du lịch trên cơ sở sử dụng công nghệ sạch, năng lượng sạch và xanh hóa môi trường để hướng đến sự phát triển bền vững.

- Xây dựng chương trình phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng bền vững như cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn mới bằng việc xây dựng các đề án sử dụng hợp lý các tài nguyên nông nghiệp và nông thôn không làm ô nhiễm môi trường sống của cộng đồng xung quanh và sử dụng các nguồn tài nguyên sạch trong quá trình sản xuất nông nghiệp, hướng tới phát triển thị trường nông thôn xanh và tăng khả năng tiêu thụ nông sản sạch.

(ii). **Xây dựng các chương trình hành động thực**

hiện các mục tiêu về môi trường, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và các vấn đề xã hội theo hướng bền vững.

- Mặc dù Thủ tướng Chính phủ đã ban hành chiến lược tăng trưởng xanh cho giai đoạn 2011-2030 và tầm nhìn đến năm 2050, nhưng để đạt được những mục tiêu cụ thể trong chiến lược thì cần triển khai thực hiện các đề án về Bảo vệ môi trường nước và sử dụng bền vững tài nguyên nước theo thống kê của tổ chức ý tế thế giới thì 80% các loại bệnh tật đều liên quan đến việc sử dụng ô nhiễm nước.

Theo Liên hợp quốc, nước sạch là 1 trong 3 nhu cầu thiết yếu nhất của con người, và trong 7 tỷ dân đang sinh sống trên thế giới, 1,1 tỷ người đang sống không có nước sạch để dùng, 1,3 tỷ người không có điện để dùng, 769 triệu người không được tiếp cận với hệ thống nước sạch và 2,5 tỷ người đang bị ảnh hưởng từ môi trường sống mất vệ sinh vì thiếu nước. Cứ 9 công dân toàn cầu thì 1 người đang sống thiếu tiếp cận với nguồn nước sạch, dẫn đến con số 3,4 triệu người chết hàng năm do các bệnh dịch từ việc thiếu nước và môi trường mất vệ sinh mà 99% trong số đó sinh sống ở các nước đang phát triển. Thống kê còn cho thấy việc thiếu nước sạch và môi trường mất vệ sinh giết chết nhiều trẻ em ở các nước đang phát triển bằng số lượng người thiệt mạng của một chiếc máy bay cỡ lớn mỗi 4 giờ một ngày. Chính vì vậy mà việc bảo vệ môi trường nước và sử dụng tài nguyên nước một cách hợp lý là một trong những vấn đề cấp bách cần mang tính toàn cầu.

Bên cạnh việc khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên nước thì việc khai thác và sử dụng hợp lý, bền vững tài nguyên khoáng sản; bảo vệ và phát triển rừng theo hướng phát triển bền vững; xây dựng các chiến lược phát triển đô thị theo hướng văn minh, hiện đại, thân thiện với môi trường, các chính sách và các mô hình quản lý đô thị theo hướng bền vững trên cơ sở kinh nghiệm của một số nước đã đạt được thành tựu về tăng trưởng xanh như Hàn Quốc, Mỹ, Thụy Điển...

- Xây dựng chương trình phát triển nguồn nhân lực và các vấn đề xã hội theo hướng bền vững, tiếp tục đổi mới giáo dục - đào tạo để nâng cao chất lượng, trình độ dân trí trong các vùng, đặc biệt các khu vực nông thôn và miền núi; tạo thêm việc làm cho người lao động và nâng cao mức sống của các tầng lớp dân cư; tiếp tục công cuộc xóa đói, giảm nghèo và thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới, 1987.
2. Bùi Tất Thắng, Phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế Việt Nam, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội 2010.
3. Trần Hữu Dũng - Phát triển bền vững: Tiền đề lịch sử và nội dung khái niệm. 4. Website: www.chungta.com, 2007.
5. Lâm Bá Hòa, Hoàng Dương Việt Anh: Những nguyên tắc cơ bản để phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay.
6. Quyết định 153/TTg/QĐ-2004: "Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam".
7. <http://www.va21.org>, ("Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam").
8. Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020.
9. Niên giám thống kê.

<sup>1</sup> **Kinh tế nâu:** Là nền kinh tế dựa trên các nguồn năng lượng hóa thạch, đã bộc lộ phát thải khí nhà kính, khủng hoảng biến đổi khí hậu, không bảo đảm an ninh năng lượng dẫn đến chiến tranh và xung đột, không bảo đảm an ninh lương thực...

<sup>2</sup> **Tăng trưởng xanh (quan điểm của VN):** Là sự tăng trưởng dựa trên quá trình thay đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế nhằm tận dụng lợi thế so sánh, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế thông qua việc nghiên cứu và áp dụng công nghệ tiên tiến, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại để sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần xóa đói giảm nghèo và tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế một cách bền vững.

<sup>3</sup> OECD: Là diễn đàn nơi Chính phủ của 30 quốc gia dân chủ cùng làm việc để giải quyết các thách thức về kinh tế, xã hội và môi trường của toàn cầu hóa.

<sup>4</sup> **Năm 1992:** Hội nghị thượng đỉnh trái đất về môi trường và phát triển tại Rio de Janeiro (Braxin). 178 nước tham dự. Ký kết 5 văn kiện quan trọng.

<sup>5</sup> **Chương trình nghị sự 21:** Là khung chiến lược để xây dựng các chương trình hành động, bao gồm: (i) Nguyên tắc phát triển bền vững; (ii) Mục tiêu và tầm nhìn dài hạn; (iii) Các lĩnh vực hoạt động ưu tiên; (iv) Phương tiện và giải pháp. Nhằm đạt được sự phát triển bền vững trong thế kỷ 21.

<sup>6</sup> **Phát triển bền vững** là sự phát triển hài hòa cả về 3 mặt: Kinh tế - Xã hội - Môi trường để đáp ứng những nhu cầu về đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của thế hệ hiện tại nhưng không làm tổn hại, gây trở ngại đến khả năng cung cấp tài nguyên để phát triển kinh tế - xã hội mai sau, không làm giảm chất lượng cuộc sống của các thế hệ trong tương lai.

<sup>7</sup> Tổng cục thống kê, 2014.

<sup>8</sup> Tổng cục thống kê.